

Số: 1024/GPMT-UBND

Hải Dương, ngày 26 tháng 4 năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của
Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật
Bảo vệ môi trường;

Xét văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Công ty cổ phần đầu
tư phát triển thương mại Tân Thành Long ngày 05 tháng 4 năm 2024 và hồ sơ
kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số
315/TTr-TNMT ngày 25 tháng 4 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty cổ phần đầu tư phát triển thương mại Tân
Thành Long, địa chỉ tại Khu dân cư Lôi Động, phường Cộng Hòa, thành phố
Chí Linh, tỉnh Hải Dương được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của
Dự án khai thác mỏ sét chịu lửa, sét gốm, sét gạch ngói khu vực Dọc Giếng,
Đồng Dôi - Đồng Sào, phường Cộng Hòa, thành phố Chí Linh với các nội dung
như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án đầu tư: Khai thác mỏ sét chịu lửa, sét gốm, sét gạch ngói
khu vực Dọc Giếng, Đồng Dôi - Đồng Sào, phường Cộng Hòa, thành phố Chí
Linh.

1.2. Địa điểm hoạt động: Phường Cộng Hòa, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải
Dương.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 01011893991, do Phòng
đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp, đăng ký lần

đầu ngày 15/3/2006; đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 10/01/2020.

1.4. Mã số thuế: 01011893991.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Khai thác khoáng sản sét chịu lửa, sét gốm, sét gạch ngói và cát làm vật liệu xây dựng thông thường.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Phạm vi:

+ Tổng diện tích được phép khai thác là 107.886 m² (trong đó khu Dọc Giếng diện tích 44.268 m²; khu Đông Dôi - Đông Sào diện tích 63.618 m²).

+ Diện tích khai thác được cấp giấy phép môi trường theo giấy phép này: 44.268 m² (khu Dọc Giếng).

- Quy mô: Dự án có tiêu chí như dự án nhóm C theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Luật Đầu tư công và thuộc nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Công suất khai thác khoáng sản:

+ Sét chịu lửa, sét gốm, đất sét sản xuất gạch ngói nung: 10.000 tấn/năm.

+ Cát làm vật liệu xây dựng thông thường: 30.000 m³/năm.

- Phương pháp khai thác khoáng sản: Lộ thiên.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức được cấp Giấy phép môi trường:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty cổ phần đầu tư phát triển thương mại Tân Thành Long có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến UBND tỉnh Hải Dương.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: Kể từ ngày được cấp giấy phép môi trường đến ngày 15/10/2028.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND thành phố Chí Linh tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Công ty cổ phần đầu tư phát triển thương mại Tân Thành Long;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để báo cáo);
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- UBND thành phố Chí Linh;
- Trung tâm CNTT - Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTN, Thành (5b).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lưu Văn Bản

Phụ lục I

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1024/GPMT-UBND
ngày 26 tháng 4 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các hoạt động vệ sinh cá nhân, sinh hoạt của cán bộ công nhân viên trong mỏ, được thu gom bằng nhà vệ sinh di động, định kỳ hút đi xử lý, không thải ra ngoài môi trường.
- Nguồn số 02: Nước ngầm trong moong.
- Nguồn số 03: Nước mưa chảy tràn trên bề mặt khai trường khai thác.
- Nguồn số 04: Nước thải từ hoạt động sàng rửa lọc cát.
- Nguồn số 05: Nước thải từ hoạt động rửa xe.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

- Dòng nước thải số 01: Dòng nước thải sau xử lý từ hồ thu nước khu Dọc Giếng (bao gồm nước ngầm trong moong, nước mưa chảy tràn trên diện tích khai trường khai thác, nước sàng lọc rửa cát).

- Dòng nước thải số 02: Dòng nước thải rửa xe sau xử lý tại khu Dọc Giếng.

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Mương tưới tiêu thoát nước của khu vực Dọc Giếng (phía Bắc dự án) thuộc địa phận phường Cộng Hòa, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

2.2. Vị trí xả nước thải

- Vị trí xả thải: Mương tưới tiêu thoát nước của khu vực Dọc Giếng (phía Bắc dự án) thuộc địa phận phường Cộng Hòa, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

- Tọa độ vị trí xả thải (Theo hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiếu 3°):

+ Tọa độ dòng nước thải số 01: X1 (m) = 2339128; Y1 (m) = 594172.

+ Tọa độ dòng nước thải số 02: X2 (m) = 2338269; Y2 (m) = 595291.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 466,5 m³/ngày.

2.3.1. Phương thức xả nước thải:

- Nước thải sau xử lý từ hố thu nước được bơm cưỡng bức ra ngoài bằng đường ống nhựa mềm D200 chiều dài khoảng 50m thoát ra ngoài mương tưới tiêu thoát nước khu vực.

- Nước thải rửa xe từ bể lắng nước rửa xe chảy ra mương tưới tiêu thoát nước khu vực bằng đường cống BTCT D200 chiều dài khoảng 1m theo phương thức tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Gián đoạn.

2.3.3. *Chất lượng nước thải trước khi xả nguồn tiếp nhận* phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải công nghiệp QCVN 40:2011/BTNMT mức B, giá trị C_{max} với hệ số $K_q=0,9$; $K_f=1,1$ đối với dòng nước thải số 01 và $K_f=1,2$ đối với dòng nước thải số 02 riêng đối với thông số pH giá trị $C_{max} = C$ cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
I	Dòng nước thải số 01				
1	pH	-	5,5÷9	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	TSS	mg/l	99		
II	Dòng nước thải số 02				
1	pH	-	5,5-9	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	TSS	mg/l	108		
3	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	10,8		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Đối với nước ngầm và nước mưa chảy tràn vào moong khai thác: Toàn bộ nước ngầm và nước mưa chảy tràn trên bề mặt khai trường khai thác theo độ dốc địa hình chảy về hố thu nước.

- Đối với nước từ hoạt động sàng rửa lọc cát: thu gom bằng đường ống PVC D200 chiều dài khoảng 15m tự chảy về cụm bể lắng nước sàng rửa lọc cát. Nước sau lắng tại bể cuối được bơm về hố thu nước bằng đường ống nhựa mềm D200 chiều dài khoảng 120m.

- Đối với nước thải từ hoạt động rửa xe theo độ dốc tự nhiên chảy về bể lắng nước rửa xe.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

* Hệ thống xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

+ Nước ngầm trong moong và nước mưa chảy tràn → Hồ thu nước → Một phần nước được tuần hoàn lại quá trình sàng lọc rửa cát, tưới đường; một phần được trung hòa pH sau đó bơm thoát vào mương tưới tiêu thoát nước phía bắc khu Dọc Giếng.

+ Nước thải từ hoạt động sàng lọc rửa cát → Cụm 4 bể lắng nước lọc rửa cát → Hồ thu nước → Một phần nước được tuần hoàn lại quá trình lọc rửa, tưới đường; một phần được trung hòa pH sau đó bơm thoát vào mương tưới tiêu thoát nước phía bắc khu Dọc Giếng.

+ Nước thải rửa xe → Bể lắng nước rửa xe → mương tưới tiêu thoát nước phía bắc khu Dọc Giếng.

- Thông số kỹ thuật các bể: Hồ thu nước thể tích 2.113m³; cụm bể lắng nước lọc rửa cát tổng thể tích 642m³; bể lắng nước rửa xe thể tích 150m³;

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Vôi bột (lượng sử dụng tùy thuộc vào độ pH của nước tại thời điểm đo).

1.3. Biện pháp, phòng ngừa ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải

- Biện pháp phòng ngừa:

+ Lựa chọn vị trí xây dựng bể lắng tại mỏ có cấu tạo địa chất chắc chắn, không xây cạnh những khu vực có bờ taluy, đất đá yếu dễ sạt lở.

+ Các bể lắng tại mỏ cần xây dựng đảm bảo về kích thước, kết cấu chắc chắn.

+ Thường xuyên nạo vét hồ thu nước, bể lắng để đảm bảo khi có sự cố xảy ra, lượng bùn tràn ra ngoài với số lượng ít, không gây hậu quả nghiêm trọng.

+ Thường xuyên cập nhật tình hình thời tiết để chủ động lên phương án ứng trực và huy động lực lượng xử lý khi có nguy cơ xảy ra sự cố.

+ Chuẩn bị đầy đủ các trang thiết bị, vật tư, phương tiện, máy móc để huy động kịp thời khi xảy ra sự cố.

+ Thường xuyên kiểm tra tình trạng làm việc của các thiết bị (bơm), đường ống, thành bể... để phát hiện kịp thời khi có sự cố.

- Biện pháp khắc phục:

+ Thay thế kịp thời đường ống, bạt chống thấm khi xảy ra sự cố hỏng hóc.

+ Tiến hành xây dựng bể lắng mới, hoặc cải tạo, sửa chữa bể lắng đã hỏng đảm bảo chắc chắn, gia cố nền, taluy để không xảy ra sự cố về sau.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm

Thời gian vận hành thử nghiệm không quá 06 tháng kể từ ngày 01/7/2024.

2.2. Công trình, thiết bị vận hành thử nghiệm

- Hồ thu nước dung tích 2.113m³.
- Bể lắng nước rửa xe dung tích 150 m³.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu

TT	Vị trí lấy mẫu	Số điểm
1	Nước thải sau xử lý tại hồ thu nước	01
2	Nước thải rửa xe sau xử lý tại bể lắng	01

2.2.2. *Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:* Theo nội dung được cấp phép tại Phần A phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu

- Mẫu nước thải sau xử lý trong giai đoạn vận hành ổn định: 01 lần/ngày (lấy 3 ngày liên tiếp, mẫu đơn).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của các chất ô nhiễm tại phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Trong quá trình xả thải vào mương tưới tiêu phía Bắc khu Dọc Giếng và hồ Cầu Dông nếu có sự cố bất thường ảnh hưởng xấu tới chất lượng nước tiếp nhận, Công ty phải báo cáo kịp thời về UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn.

3.3. Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án cho UBND tỉnh Hải Dương, Sở Tài nguyên và Môi trường trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải để theo dõi, giám sát.

3.4. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7, khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3.5. Trước khi kết thúc vận hành thử nghiệm 10 ngày, chủ dự án đầu tư phải gửi báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm đến UBND tỉnh Hải Dương, Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

3.6. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải của dự án.

3.7. Công ty Cổ phần đầu tư phát triển thương mại Tân Thành Long chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu của Giấy phép này ra môi trường.

Phụ lục II

ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1024/GPMT-UBND
ngày 26 tháng 4 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn 1: Tiếng ồn, độ rung từ hoạt động của máy móc, thiết bị khai thác khoáng sản (máy xúc bốc) khu Dọc Giếng.

- Nguồn 2: Tiếng ồn, độ rung từ hoạt động của máy móc, thiết bị chế biến khoáng sản (sàng lọc rửa cát) khu Dọc Giếng.

- Nguồn 3: Tiếng ồn, độ rung từ hoạt động của phương tiện vận chuyển trên khai trường khai thác khu Dọc Giếng.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

Toạ độ vị trí (theo hệ toạ độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiều 3°):

- Nguồn 1 và nguồn 3: Không xác định do các nguồn phát sinh đều là nguồn phân tán hoặc di động.

- Nguồn 2: $X(m) = 2338999$; $Y(m) = 594193$.

3. Tiếng ồn, độ rung

Phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn

TT	Giới hạn tối đa cho phép về tiếng ồn, dBA		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ ÷ 21 giờ	Từ 21 giờ ÷ 6 giờ		
1	70	55	Không thực hiện	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	6 giờ ÷ 21 giờ	21 giờ ÷ 6 giờ		
1	70	60	Không thực hiện	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Sử dụng máy móc, thiết bị mới, đạt tiêu chuẩn;
- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ 3-6 tháng/lần các máy móc thi công và phương tiện vận chuyển;
- Xe chạy đúng tốc độ quy định; chờ đúng, đủ tải trọng theo thiết kế;
- Thời gian hoạt động khai thác, vận chuyển khoáng sản thực hiện đúng theo quy định, tránh vận chuyển vào thời gian cao điểm (giờ học sinh đi học và tan học,...);
- Duy tu bảo dưỡng mặt đường tuyến đường vận chuyển khoáng sản, đảm bảo các phương tiện lưu thông thuận lợi.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu đảm bảo nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn máy móc, thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục III

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1024/GPMT-UBND
ngày 26 tháng 4 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chúng loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)	Mã chất thải
1	Giẻ lau dính dầu mỡ	Rắn	15	18 02 01
2	Dầu mỡ thải	Lỏng	20	16 01 08
3	Bao bì cứng bằng kim loại thải	Rắn	10	18 01 04
4	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	2	16 01 06
5	Pin, ắc quy thải	Rắn	5	16 01 12
Tổng			52	

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn thông thường phát sinh

TT	Thành phần	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (tấn/năm)	Mã chất thải
1	Đất, đá rơi vãi trong quá trình xúc, bốc, vận chuyển khoáng sản	Rắn	1.051	-
2	Đất bóc phủ bề mặt và đất bóc thải (cát pha sét)	Rắn	75.477	-
3	Bùn thải phát sinh sau trận mưa	Bùn	28	-
4	Bùn, đất, bụi và tạp chất phát sinh trong quá trình lọc, rửa cát	Bùn	19.600	-
Tổng			96.156	

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: 2,25 tấn/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

Thu gom bằng thùng có dung tích từ 20-120 lít có đậy nắp kín, đánh dấu CTNH đặt tại kho lưu giữ CTNH tạm thời diện tích khoảng 16m²; kết cấu thùng tôn. Kho bố trí các biển báo, thiết bị PCCC theo quy định. Định kỳ 1 năm/lần, Công ty ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, xử lý.

Chất thải nguy hại phải thực hiện khai báo, phân loại, thu gom, lưu giữ theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 83 Luật Bảo vệ môi trường, Điều 71 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường

- Đất, đá rơi vãi trong quá trình xúc bốc, vận chuyển: được thu gom và vận chuyển đi cùng với sản phẩm của dự án.

- Đất bóc trên bề mặt, đất bóc thải (cát pha sét), bùn thải trong quá trình khai thác; bùn, đất, bụi và tạp chất trong quá trình lọc, rửa cát: tập kết tại bãi thải tạm để phục vụ công tác cải tạo, PHMT.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

Thu gom bằng 01 thùng rác có dung tích 120 lít đặt tại khu nhà điều hành tạm. Định kỳ 1 lần/ngày được thu gom bởi đơn vị có chức năng.

Chất thải rắn sinh hoạt phải được quản lý, phân loại lưu giữ, chuyển giao theo quy định tại Điều 75 Luật Bảo vệ môi trường, Điều 58 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

3. Hệ thống tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải: Không có.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó sự cố theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

Phụ lục IV

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1024/GPMT-UBND
ngày 26 tháng 4 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

1. Các công trình cải tạo, phục hồi môi trường và khối lượng công việc thực hiện

- Diện tích cải tạo, phục hồi môi trường khu Dọc Giếng: 44.268 m².

- Các công trình cải tạo, phục hồi môi trường và khối lượng công việc thực hiện tại khu Dọc Giếng có sự thay đổi so với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định số 3120/QĐ-UBND ngày 16/10/2020, cụ thể:

TT	Tên công trình	Đơn vị	Khối lượng	
			Theo ĐTM	Thực tế
1	Tháo dỡ nhà điều hành, bảo vệ, kho lưu giữ CTNH, đường điện...	Người/ngày	04	04
2	Tháo dỡ hệ thống lọc rửa cát	Hệ thống	-	01
3	Bổ sung lượng đất san lấp còn thiếu (hoàn thổ khu vực khai thác + hồ thu nước + bể lắng nước rửa xe + bể lắng nước lọc rửa cát)	m ³	146.225,3	146.655,27
4	Phủ lớp đất màu phục vụ công tác trồng cây	m ³	26.706,9	26.706,9
5	San gạt xung quanh khu vực kết thúc khai thác	m ³	19.076,4	19.076,4
6	Lắp đặt cống thoát nước	m	15	15
7	Đắp bờ moong hồ điều hòa	m ³	482	482
8	Lắp đặt biển báo hồ điều hòa	cái	02	02
9	Trồng cây lạc để cải tạo đất	m ²	30.407,9	30.407,9
10	Trồng cây vải để cải tạo đất	cây	341	341
11	Nạo vét mương thoát nước	m ³	90	90
12	Sửa chữa, bảo dưỡng tuyến đường vận chuyển ngoài mỏ	m ²	13.800	2.616

2. Kế hoạch cải tạo, phục hồi môi trường

TT	Tên công trình	Thời gian thực hiện	Thời gian hoàn thành	Cơ quan giám sát	Đơn vị thực hiện
1	Tháo dỡ nhà điều hành, bảo vệ, kho lưu giữ CTNH, đường điện...	Sau khi kết thúc khai thác khu Dọc Giếng	Tháng 7/2028	Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Chí Linh và Chi cục Bảo vệ môi trường tỉnh Hải Dương	Công ty cổ phần đầu tư phát triển thương mại Tân Thành Long
2	Tháo dỡ hệ thống lọc rửa cát	Sau khi kết thúc khai thác khu Dọc Giếng	Tháng 7/2028		
3	Bổ sung lượng đất san lấp còn thiếu (hoàn thổ khu vực khai thác + hồ thu nước + bể lắng nước rửa xe + bể lắng nước lọc rửa cát)	Sau khi kết thúc khai thác năm 3	Tháng 8/2028		
4	Lắp đặt cống thoát nước	Sau khi kết thúc công việc 1,2,3	Tháng 8/2028		
5	Đắp bờ moong hồ điều hòa	Sau khi kết thúc công việc 1,2,3,4	Tháng 8/2028		
6	Lắp đặt biển báo hồ điều hòa	Sau khi kết thúc công việc 1,2,3,4,5	Tháng 9/2028		
7	Phủ lớp đất màu phục vụ công tác trồng cây	Sau khi kết thúc công việc 1,2,3,4,5,6	Tháng 9/2028		
8	San gạt xung quanh khu vực kết thúc khai thác	Sau khi kết thúc công việc 1,2,3,4,5,6,7	Tháng 9/2028		
9	Trồng cây lạc để cải tạo đất	Sau khi kết thúc công việc 1,2,3,4,5,6,7,8	Tháng 10/2028		
10	Trồng cây vải để cải tạo đất	Sau khi kết thúc công việc 1,2,3,4,5,6,7,8, 9	Tháng 10/2028		
11	Nạo vét mương thoát nước	Sau khi kết thúc công việc 1,2,3,4,5,6,7,8, 9,10	Tháng 10/2028		
12	Sửa chữa, bảo dưỡng tuyến đường vận chuyển ngoài mỏ	Sau khi kết thúc công việc 1,2,3,4,5,6,7,8, 9,10, 11	Tháng 10/2028		

3. Chi phí cải tạo, phục hồi môi trường và phương thức ký quỹ

- Tổng chi phí cải tạo, phục hồi môi trường của dự án (*khu Dọc Giếng*) là 5.020.399.964 đồng (*Năm tỷ, không trăm hai mươi triệu, ba trăm chín mươi chín nghìn, chín trăm sáu mươi tư đồng*).

- Phương thức ký quỹ: Thực hiện ký quỹ nhiều lần.

- Số tiền ký quỹ lần đầu Công ty đã nộp là 1.293.189.237 đồng.

- Số tiền ký quỹ những lần sau được tính bằng tổng số tiền phải ký quỹ trừ đi số tiền đã thực hiện ký quỹ lần đầu và chia đều cho các năm còn lại theo thời hạn của Giấy phép khai thác khoáng sản được cấp. Cụ thể mỗi năm thực hiện ký quỹ là 931.802.682 đồng (*Chín trăm ba mươi một triệu, tám trăm linh hai nghìn, sáu trăm tám mươi hai đồng*) chưa bao gồm yếu tố trượt giá.

- Thời gian nộp tiền ký quỹ hàng năm thực hiện trong khoảng thời gian không quá 7 ngày kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền công bố chỉ số giá tiêu dùng của năm trước năm ký quỹ.

B. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG.

Công ty cổ phần đầu tư phát triển thương mại Tân Thành Long có trách nhiệm tiếp tục thực hiện các hạng mục công trình và các yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với khu vực Đồng Dôi – Đồng Sào theo Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường số 3120/QĐ-UBND ngày 16/10/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Hải Dương, cụ thể:

1. Các hạng mục công trình phục vụ khai thác

Các hạng mục công trình phục vụ khai thác đối với khu Đồng Dôi – Đồng Sào:

- Các hạng mục công trình xây dựng cơ bản mở:

+ Tuyến đường hào xuống diện khai thác đầu tiên (hào mở vĩa) +3,12m xuống cao độ -2,0m, chiều dài 100m, độ dốc dọc 4,89%, chiều rộng đáy hào 10m.

+ Mở diện khai thác đầu tiên tại cốt -2,0m, kích thước diện khai thác đầu tiên là 75m x 40m, tổng diện tích 3.000 m², góc nghiêng bờ moong 45⁰.

+ Hồ thu nước kích thước 14m×18m, độ sâu 2,0m so với diện khai thác đầu tiên.

+ Đê ngăn nước mặt: đáy trên 0,5m; đáy dưới 1,0m; cao 0,5m; chiều dài đê ngăn nước 420m.

- Các hạng mục công trình phụ trợ:

+ 01 lán tạm dạng lắp ghép diện tích 48,0 m².

+ 01 hệ thống lọc rửa cát.

2. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường

2.1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

- Đối với nước ngầm, nước mưa rơi vào moong khai thác và nước thải từ hoạt động lọc rửa cát: thu gom về 01 hố thu kích thước là $30\text{m} \times 15\text{m} \times 2,0\text{m}$ (tại khu vực 2) và 1 hố thu kích thước $50\text{m} \times 30\text{m} \times 2,0\text{m}$ (tại khu vực 1). Nước sau lắng tại hố thu nước được tuần hoàn, tái sử dụng cho quá trình lọc, rửa cát.

- Đối với nước thải sinh hoạt của công nhân: bố trí 01 nhà vệ sinh di động dung tích bồn nước 300 lít, dung tích bồn chứa phân 250 lít. Định kỳ thuê đơn vị có chức năng thu gom đi xử lý.

2.2. Biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải

- Tiến hành phun nước đường vận chuyển, trong những ngày nắng tần suất 3 lần/ngày.

- Xe vận chuyển được che đậy kín, không chất nguyên liệu vượt thành xe, không chở quá tải trọng quy định.

- Không sử dụng các xe quá cũ để vận chuyển, xe vận tải phải đạt tiêu chuẩn quy định của cục đăng kiểm về mức độ an toàn kỹ thuật và an toàn môi trường.

- Sử dụng nhiên liệu có chất lượng tốt.

2.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Đối với chất thải rắn sinh hoạt: thu gom bằng 01 thùng chứa dung tích 120 lít và định kỳ thu gom hàng ngày.

- Đối với chất thải rắn phát sinh từ quá trình chuẩn bị mặt bằng là các cây cối, cỏ dại,... báo trước cho người dân thu hoạch để giảm số lượng, chất thải rắn được thu gom và vận chuyển về bãi rác của địa phương.

- Đối với chất thải rắn là đất đá thải, bùn thải từ quá trình rửa trôi sau mưa: thu gom về bãi thải tạm phía Đông Nam diện tích 10.000 m^2 phục vụ công tác san lấp hoàn thổ khu vực kết thúc khai thác.

2.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

Thu gom và vận chuyển về kho chứa CTNH của Nhà máy chế biến đất sét Tân Thành Long, định kỳ thuê đơn vị có chức năng mang đi xử lý theo đúng quy định.

2.4. Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Quy định về tốc độ xe, máy móc khi hoạt động trong khu vực dự án; kiểm tra mức ồn, rung trong quá trình khai thác để đưa ra khuyến cáo và thay thế thiết bị thi công; không sử dụng máy móc, thiết bị thi công quá cũ gây tiếng ồn lớn.

- Thường xuyên kiểm tra bảo dưỡng thiết bị; không sử dụng cùng một lúc trên khai trường nhiều máy móc, thiết bị thi công gây độ ồn lớn để tránh tác động cộng hưởng của tiếng ồn.

3. Các công trình cải tạo, phục hồi môi trường và khối lượng công việc thực hiện

- Diện tích cải tạo, phục hồi môi trường khu Đồng Dôi - Đồng Sào: 63.618 m².

- Các công trình cải tạo, phục hồi môi trường và khối lượng công việc thực hiện tại khu Đồng Dôi - Đồng Sào:

TT	Tên công trình	Đơn vị	Khối lượng
1	Tháo dỡ lán tạm, hệ thống lọc rửa cát, hệ thống đường điện	Người/ngày	04
2	Bổ sung lượng đất san lấp còn thiếu (hoàn thổ khu vực khai thác + hồ thu nước)	m ³	108.347,5
3	Phủ lớp đất màu phục vụ công tác trồng cây	m ³	38.067,4
4	San gạt xung quanh khu vực kết thúc khai thác	m ³	31.809
5	Trồng cây lạc để cải tạo đất	m ²	54.382
6	Nạo vét mương thoát nước	m ³	750
7	Sửa chữa, bảo dưỡng tuyến đường vận chuyển ngoài mỏ	m ²	1.020

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Thường xuyên tưới ẩm hàng ngày các khu vực bãi bốc xúc, dọc các tuyến đường vận chuyển; thường xuyên duy tu, bảo dưỡng các tuyến đường vận tải; các xe chở đúng tải trọng, sử dụng bạt phủ che chắn.

3. Giảm thiểu chất thải rắn phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp tăng hiệu quả sản xuất.

4. Tuân thủ quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

5. Chấp hành nghiêm chỉnh các yêu cầu của Cơ quan chức năng về bảo vệ môi trường.

6. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

7. Thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.